

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2020/HS-PT

Ngày: 15-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Tràng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 232/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Dương Văn N. Do có kháng cáo của bị cáo Dương Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2020/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo: Dương Văn N, sinh năm 19XX; Tại tỉnh Đ; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã An P, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: X/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Dương Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị S (đã chết); Vợ Trần Thị H và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/3/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn N theo yêu cầu: Luật sư Trần Văn Lãm - Văn phòng Luật sư Trần Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Trong vụ án còn có người bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn N quen biết với vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn T, nên cho vợ chồng bà H1, ông T ở nhờ nhà của mình tại ấp B, xã An P, huyện T, tỉnh Đ, khi thấy bà H1 để tiền vào trong tủ kính, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 06/3/2020, lợi dụng lúc bà H1 và ông T vắng nhà, N dùng gạt tàn thuốc đập vỡ tủ kính, lấy trộm số tiền 45.526.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 09 phân. Sau khi lấy trộm tài sản N đi ra khóa trái cửa nhà trước và mở cửa sau tạo hiện trường giả. Sau đó N đem tài sản vừa lấy trộm được để vào trong cốp xe mô tô biển số 5XU1-XXXX. Ngày 07/3/2020, bà H1 đến Công an xã An P và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trình báo vụ việc mất trộm tài sản nêu trên. Sau đó, N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐ ngày 27/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng, trọng lượng 09 phân, loại vàng 18 kara, trị giá 2.520.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Dương Văn N chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn T là 48.046.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: Tiền Việt Nam: 45.526.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 09 phân. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả cho bà H1 và ông T xong.

- 01 gạt tàn thuốc bằng nhựa màu cam sọc xanh, đã qua sử dụng.

Tại bản án số 27/2020/HS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/3/2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, bị cáo Dương Văn N có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Dương Văn N bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, là nông dân chất phát, nhận thức pháp luật có hạn chế, nông cạn nhất thời phạm tội rồi lại đầu thú. Bị cáo thành khẩn thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ông nội của bị cáo là

người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Những tình tiết giảm nhẹ này phù hợp với quy định tại Nghị quyết 02 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về các điều kiện cho hưởng án treo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận mà chỉ xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Lợi dụng lúc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn T vắng nhà, bị cáo N dùng gạt tàn thuốc đập vỡ tủ kính, lấy trộm số tiền 45.526.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 09 phân. Sau khi bà H1 trình báo công an về việc bị mất tài sản thì bị cáo đến Cơ quan công an đầu thú và thừa nhận hành vi phạm tội.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn có tài sản để sử dụng mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của vợ chồng chị H1 và anh T với tổng giá trị tài sản theo định giá là 48.046.000 đồng. Bị cáo thừa biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Dương Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo Dương Văn N kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng bị cáo không xuất trình được những tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Xét lời đề nghị của vị luật sư bào chữa cho bị cáo là chưa phù hợp như đã phân tích ở phần trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo N không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Dương Văn N. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Dương Văn N.

Tuyên bố bị cáo Dương Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/3/2020.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Dương Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND huyện T (02 bản);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS CA huyện T;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu VT, HSVA, (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lê Khắc Thịnh**